Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 11908:2017

BÒ GIỐNG NỘI - YÊU CẦU KỸ THUẬT

Breed cattle - Technical requirements

HÀ NỘI - 2017

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Lời nói đầu

TCVN 11908:2017 do Trung tâm Nghiên cứu Bò và Đồng cỏ Ba Vì - Viện Chăn nuôi biên soạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Bò giống nội – Yêu cầu kỹ thuật

Breed cattle – Technical requirements

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật cho các giống bò nội.

2 Thuật ngữ, định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

2.1

Bê giống (Calf)

Bê được tính là bê non từ sơ sinh đến 6 tháng tuổi, bao gồm bê đực và bê cái.

2.2

Bò hậu bị giống (Heifers)

Bò trong giai đoạn tuổi từ 7 tháng đến 18 tháng tuổi, bao gồm bò đực và bò cái.

2.3

Bò cái giống (Cow breed)

Bò cái từ 18 tháng tuổi trở lên được sử dụng làm giống

2.4

Bò đực giống (Bulls)

Bò đực từ 18 tháng tuổi trở lên được sử dụng làm giống

2.5

Bò trưởng thành giống (Cattle mature breed)
Bò đực và bò cái từ 60 tháng tuổi trở lên

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu đối với bê giống

3.1.1 Yêu cầu về ngoại hình

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Ngoại hình của bê giống được quy định các chỉ tiêu sau đây:

- Đặc điểm chung: Phát triển toàn thân, kết cấu cơ thể; giới tính đực và cái rõ ràng; lông và da.

- Các phần cơ thể: Đầu, cổ, vai, ngực, lưng, hông, bụng, mông, đuôi, bốn chân.

3.1.2 Yêu cầu về khối lượng

Khối lượng của bê giống được quy định trong các giai đoạn sau:

- Khối lượng sơ sinh;

- Khối lượng lúc 3 tháng tuổi;

- Khối lượng lúc 6 tháng tuổi.

3.2 Yêu cầu đối với bò hậu bị giống

3.2.1 Yêu cầu về ngoại hình

Ngoại hình của bò hậu bị giống được quy định các chỉ tiêu sau đây:

- Đặc điểm chung: Phát triển toàn thân, lông và da.

- Các phần cơ thể: Đầu, cổ, vai, ngực, lưng, hông, bụng, mông, đuôi, bốn chân, hệ thống vú, bộ phận sinh dục

3.2.2 Yêu cầu về khối lượng

Khối lượng của bò hậu bị giống được quy định tại các giai đoạn sau:

- Khối lượng 9 tháng tuổi;

- Khối lượng 12 tháng tuổi;

- Khối lượng 18 tháng tuổi.

3.3 Yêu cầu Bò cái giống

3.3.1 Yêu cầu về ngoại hình

Ngoại hình của bò cái giống được quy định các chỉ tiêu sau:

- Kết cấu của cơ thể;

- Màu lông;

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

- Các phần cơ thể: Đầu, cổ, vai, ngực, lưng, hông, bụng, mông, đuôi, bốn chân, hệ thống vú (hình dáng, núm vú, tĩnh mạch vú...), bộ phận sinh dục.

3.3.2 Yêu cầu về năng suất sinh sản

Năng suất sinh sản của bò cái giống được quy định các chỉ tiêu sau:

- Tuổi phối giống lần đầu;

- Khối lượng phối giống lần đầu;

- Tuổi đẻ lứa đầu;

- Khoảng cách giữa hai lứa đẻ;

- Thời gian động dục lại sau đẻ.

3.4 Yêu cầu đối với bò đực giống

3.4.1 Yêu cầu về ngoại hình

Ngoại hình của bò đực giống được quy định các chỉ tiêu sau:

- Phát triển thân hình;

- Màu lông;

- Các bộ phận: có u vai; đầu và cổ; da; vai; yếm; ngực; lưng; hông; bụng; chân; dương vật; hai tinh hoàn.

3.4.2 Yêu cầu về năng suất và chất lượng

Năng suất và chất lượng của bò đực giống quy định các chỉ tiêu sau:

- Tuổi phối giống lần đầu;

- Khối lượng phối giống lần đầu;

- Khối lượng 24 tháng tuổi;

- Khối lượng 36 tháng tuổi;

- Khối lượng 48 tháng tuổi.

3.5 Yêu cầu đối với bò giống trưởng thành

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

3.5.1 Yêu cầu về ngoại hình

Ngoại hình của bò trưởng thành quy định các chỉ tiêu tương tự 3.4.

3.5.2 Yêu cầu về khối lượng

Khối lượng của bò trưởng thành được quy định tại thời điểm 60 tháng.

4 Phương pháp xác định các chỉ tiêu

4.1 Chỉ tiêu ngoại hình

Các chỉ tiêu ngoại hình được đánh giá dựa theo sự quan sát trực tiếp bằng mắt thường. Các đặc điểm ngoại hình bao gồm màu lông, kết cấu cơ thể, đặc điểm các phần trên cơ thể.

4.1.1 Chỉ tiêu màu lông

Đánh giá bằng phương pháp quan sát trực tiếp.

4.1.2 Chỉ tiêu kết cấu cơ thể

Ở trạng thái bình thường cho gia súc đi lại trên một cung đường bằng phẳng, hai khuỷu chân trước phải và trái; hai khuỷu chân sau phải và trái không chạm vào nhau. Kết cấu giữa các bộ phận trên cơ thể cân đối, chắc chắn.

4.1.3 Chỉ tiêu về móng

Đế móng cùng nằm trên mặt phẳng với chu vi vành móng.

Móng tròn và khít: Vành móng hình tròn, hai móng chính khít nhau, khi đứng ở tư thế bình thường tạo vuông góc với mặt phẳng vị trí đứng.

Móng không bị nứt: Vành móng không bị nứt vỡ, thành móng nhẵn bóng.

4.2 Chỉ tiêu về khối lượng

Sử dụng cân đại gia súc có độ chính xác đến 0,5 kg để xác định khối lượng bò sau khi đẻ; khối lượng tương ứng thời gian quy định cho từng giai đoạn của bò.

Đối với bê sơ sinh khối lượng được xác định ngay sau khi sinh và được lau khô lông v[illegible] chưa bú sữa đầu. Các giai đoạn khác được cân vào buổi sáng sớm trước khi cho ăn và đi chăn thả.

4.3 Chỉ tiêu về sinh sản

4.3.1 Đối với bò cái giống

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Tuổi động dục lần đầu của bò cái giống được tính từ khi bò cái được sinh ra đến lúc bò cái có biểu hiện động dục lần đầu tiên.

Tuổi phối giống lần đầu của bò cái giống được tính từ khi bò cái được sinh ra đến lúc bò cái có được phối giống lần đầu tiên.

Tuổi đẻ lứa đầu của bò cái giống được tính từ khi bò cái được sinh ra đến lúc bò cái đó đẻ lần đầu tiên.

Khoảng cách giữa hai lứa đẻ của bò cái giống được tính từ khi bò cái đẻ đến khi đẻ lần tiếp theo.

4.3.2 Đối với bò đực giống

Tần suất phối giống: là số lần cho phép bò đực giống giao phối trong một tuần.

Xác định tỷ lệ thụ thai ở lần phối giống đầu tiên được xác định bằng số bò cái có chửa ngay ở lần phối đầu tiên chia cho số bò cái được phối giống ở lần phối đầu tiên x 100

$$\text{Tỷ lệ thụ thai} = \frac{\text{Số bò cái có chửa ngay lần phối đầu tiên}}{\text{Số bò cái được phối giống ở lần phối đầu tiên}} \times 100$$

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Phụ lục A

(quy định)

Bò U đầu rìu

A.1 Yêu cầu đối với bê giống

A.1.1 Yêu cầu về ngoại hình

Ngoại hình của bê được quy định trong Bảng A.1.

Bảng A.1 – Yêu cầu về ngoại hình của bê giống

	Đặc điểm
A. Đặc điểm chung	
Ngoại hình	Vai có u nhỏ; lông có màu vàng nhạt, riêng lông dưới bụng màu sáng.
B. Các phần cơ thể	
Đầu và cổ	Phần đỉnh trán có u thấp hình chữ nhật; tai nhỏ và thẳng; da gương mũi màu hồng nhạt; lông hai bên má màu vàng nhạt; lông ở phần trước và trên đầu màu vàng đậm.
Vai và ngực	Trên vai có u nhỏ
Bụng	Rốn không dài ôm sát vào thành bụng
Mông và đuôi	Con đực mông nở hơn con cái.

A.1.2 Yêu cầu về khối lượng

Khối lượng của bê được quy định trong Bảng A.2

Bảng A.2 – Khối lượng của bê giống

Chỉ tiêu	Mức yêu cầu	
	Bê đực	Bê cái
Khối lượng sơ sinh, kg, không nhỏ hơn	16	15
Khối lượng 3 tháng tuổi, kg, không nhỏ hơn	56	50
Khối lượng 6 tháng tuổi, kg, không nhỏ hơn	86	70

A.2 Yêu cầu đối với bò hậu bị giống

A.2.1 Yêu cầu về ngoại hình

Ngoại hình của bò hậu bị được quy định trong Bảng A.3.

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Bảng A.3 – Ngoại hình của bò hậu bị giống

Bộ phận	Đặc điểm
A. Đặc điểm chung	
Ngoại hình	Màu lông đa dạng từ màu vàng nhạt đến màu nâu đậm tùy vào lứa tuổi; lông thưa ngắn và mịn, u vai hình cái đầu rìu rõ.
B. Các phần cơ thể	
Đầu cổ	Con đực: Đầu, mặt thô, hai bên cổ lông có màu đen sậm hơn màu lông của toàn thân. Con cái: Đầu và cổ nhẹ mặt thanh và dài; sừng ngắn, nhỏ mọc ngang.
Vai và ngực	Con đực: Vai rộng, u vai nổi rõ hình cái đầu rìu. Con cái: Vai hẹp , u vai rõ hình cái đầu rìu.
Lưng và hông	Mình tròn; xương sườn cong gắn kết cân đối với xương sống lưng; Lưng và hông có màu vàng đậm hơn màu lông vùng bụng.
Bụng	Tròn thon; rốn ôm sát thành bụng;
Mông và đuôi	Cơ mông phát triển; Màu lông vàng sậm hơn màu lông ở bụng nhưng nhạt màu hơn lông u vai và ngực; Có búi lông màu đen ở chóp đuôi.
Bộ phận sinh dục	Với bò đực: Hai dịch hoàn phát triển cân đối và đều, da có độ đàn hồi tốt, dương vật và bao qui đầu nằm gọn ôm sát vào vùng dưới da bụng, đầu bao quy đầu có một túm lông chụm và dài rõ rệt Với bò cái: Âm hộ ít nếp nhăn và có màu đen.

A.2.2 Yêu cầu về khối lượng của bò hậu bị

Khối lượng của bò hậu bị được quy định trong Bảng A.4.

Bảng A.4 – Khối lượng của bò hậu bị giống

Chỉ tiêu	Mức yêu cầu	
	Bò đực	Bò cái
Khối lượng 9 tháng tuổi, kg, không nhỏ hơn	121	115
Khối lượng 12 tháng tuổi, kg, không nhỏ hơn	161	150
Khối lượng 18 tháng tuổi, kg, không nhỏ hơn	207	190

A.3 Yêu cầu đối với bò cái giống

A.3.1 Yêu cầu về ngoại hình

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Ngoại hình của bò cái giống được quy định trong Bảng A.5.

Bảng A.5 – Ngoại hình của bò cái giống

A. Đặc điểm chung	
Ngoại hình	Toàn thân giống hình cái nêm, bò có kết cấu tiền thấp hậu cao.
Đặc điểm giống	Lông ngắn thưa và mềm; u không cao có hình dáng giống như đầu cái đầu rìu; đầu thanh; sừng ngắn nhỏ; tai nhỏ và thẳng; đuôi dài, cuối đuôi có chòm lông màu tro đen.
B. Đặc điểm các phần cơ thể	
Đầu cổ	Mặt thanh, đầu nhẹ; cổ dài; sừng nhỏ, nhọn; đỉnh trán không có u gồ; mắt to, đen.
Vai và ngực	Vai rộng cân đối với xương sống và u vai. U vai có hình giống đầu rìu.
Lưng và hông	Mình tròn; lưng dài, xương sườn có độ cong tốt, gắn kết cân xứng với xương sống lưng.
Bụng	Rốn ôm sát vào thành bụng.
Mông và đuôi	Cơ mông phát triển; đuôi dài và thẳng, bẹ đuôi to, chùm lông ở cuối đuôi có màu tro đen; phần sau mông lông màu vàng sáng.
Hệ thống vú	Bầu vú có cấu trúc chắc chắn.

A.3.2 Yêu cầu về năng suất sinh sản

Năng suất sinh sản của bò cái giống được quy định trong Bảng A.6.

Bảng A.6 – Năng suất sinh sản của bò cái giống

Chỉ tiêu	Mức yêu cầu
Tuổi phối giống lần đầu, tháng, không lớn hơn	26
Khối lượng phối giống lần đầu, kg, không nhỏ hơn	190
Tuổi đẻ lứa đầu, tháng, không lớn hơn	34
Khoảng cách giữa hai lứa đẻ, tháng, không lớn hơn	14
Thời gian động dục lại sau đẻ, tháng, không lớn hơn	4

A.4 Yêu cầu đối với bò đực giống

A.4.1 Yêu cầu về ngoại hình

Ngoại hình bò đực giống được quy định trong Bảng A.7.

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Bảng A.7 – Ngoại hình bò đực giống

A. Đặc điểm chung	
Ngoại hình	Toàn thân có lông từ vàng đến nâu đậm; lông thưa ngắn và mịn. Kết cấu cơ thể tiền cao hậu thấp. Vai có u nổi rõ hình dáng giống đầu rìu; màu lông ở u vai và mặt có màu đen; mặt thanh; sừng ngắn và to; yếm thẳng và mỏng kéo dài từ cằm tới ức; rốn không dài; toàn bộ phần bao qui đầu không nổi rõ, ôm sát với phần da bụng; đuôi dài cuối đuôi có chòm lông màu đen.
B. Đặc điểm các phần cơ thể	
Đầu cổ	Đầu to thô trông hung dữ; trán rộng; sừng to và ngắn mọc ngang hướng về phía trước; lông ở hai bên má và cổ có màu đen.
Vai và ngực	Vai có u nổi rõ giống đầu rìu nhưng không đổ sang hai bên, lông có màu đen.
Lưng và hông	Hông rộng; xương sườn có độ cong tốt gắn kết cân xứng với xương sống lưng.
Bụng	Bụng tròn, thon gọn, không sệ .
Mông và đuôi	Cơ mông phát triển, đuôi to, dài, lông chóp đuôi có màu đen.
Bộ phận sinh dục ngoài	Hai dịch hoàn phát triển cân đối và đều, da có độ đàn hồi tốt, dương vật và bao qui đầu nằm gọn ôm sát vào vùng dưới da bụng, đầu bao quy đầu có một túm lông dài màu đen.
Bốn chân	Bốn chân chắc khỏe, các khớp chắc chắn, khoảng cách bước chân khi bước đi vết chân sau phải trùng vết chân trước; Móng tạo với mặt đất một góc 45^0.

A.4.2 Yêu cầu về năng suất và chất lượng của bò đực giống

Năng suất và chất lượng của bò đực giống quy định trong Bảng A.8.

Bảng A.8 – Năng suất và chất lượng của bò đực giống

Chỉ tiêu	Mức yêu cầu
Tuổi phối giống lần đầu, tháng, không lớn hơn	18
Khối lượng phối giống lần đầu, kg, không nhỏ hơn	220
Khối lượng 24 tháng, kg, không nhỏ hơn	280
Khối lượng 36 tháng, kg, không nhỏ hơn	330
Khối lượng 48 tháng, kg, không nhỏ hơn	350

A.5 Yêu cầu đối với bò giống trưởng thành

A.5.1 Yêu cầu về ngoại hình

Ngoại hình của bò trưởng thành được quy định trong Bảng A.9

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Bảng A.9 – Ngoại hình của bò trưởng thành giống

Bộ phận	Đặc điểm
A. Đặc điểm chung	
Ngoại hình	Toàn thân phát triển cân đối, săn chắc, màu sắc lông từ màu vàng đến nâu đậm; lông thưa ngắn và mịn; Bò đực: Bò có u vai nổi rõ hình cái đầu rìu Con cái: u vai không nổi rõ , có hình cái đầu rìu.
B. Các phần cơ thể	
Đầu và cổ	Con đực: Đầu thô, cổ to và tròn, sừng to và ngắn Con cái: Cổ thanh và dài, sừng nhỏ.
Vai và ngực	Con đực: U vai nổi rõ có hình dáng giống đầu rìu, yếm thẳng và mỏng kéo dài từ cằm tới ức. Con cái: U vai không nổi rõ, có hình dáng giống đầu rìu;
Lưng và hông	Mình tròn; xương sườn có độ cong tốt; hông rộng cân đối với lưng và mông.
Bụng	Rốn ôm sát vào thành bụng
Mông và đuôi	Con đực: Đuôi to, dài, chóp đuôi có màu đen. Con cái: Đuôi nhỏ, lông đuôi có màu tro đen
Bộ phận sinh dục	Con đực: Hai dịch hoàn phát triển cân đối và đều, da có độ đàn hồi tốt, dương vật và bao qui đầu nằm gọn ôm sát vào vùng dưới da bụng, đầu bao quy đầu có một túm lông dài màu đen. Con cái: Âm hộ ít nếp nhăn và có màu đen.

A.5.2 Yêu cầu về khối lượng

Khối lượng của bò trưởng thành được quy định trong Bảng A.10.

Bảng A.10 – Khối lượng của bò trưởng thành giống

Chỉ tiêu	Mức yêu cầu	
	Bò đực	Bò cái
Khối lượng trưởng thành, kg, không nhỏ hơn	380	300

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Phụ lục B

(quy định)

Bò H'Mong

B.1 Yêu cầu đối với bê giống

B.1.1 Yêu cầu về ngoại hình

Ngoại hình của bê được quy định trong Bảng B.1.

Bảng B.1 – Yêu cầu về ngoại hình của bê giống

	Đặc điểm
A. Đặc điểm chung	
Ngoại hình	Lông có màu vàng tơ, da mỏng, lông mịn, mượt; Lông phần bụng và phía trong bốn chân lông màu trắng nhạt; gương mõm và mũi có màu da nâu có các đốm vàng nhạt; lông vành mắt có màu trắng sáng; mắt màu nâu đen.
B. Các phần cơ thể	
Đầu và cổ	Hai tai nhỏ thẳng, đỉnh trán có u gồ, một số ít có trán hơi lõm; mắt và lông mi màu vàng nhạt, xung quanh hố mắt mầu vàng sáng rõ; sống mũi thẳng, hai tai nhỏ, mắt to và sáng
Mông và đuôi	Mông rộng xương ngồi rộng; đuôi có búi lông ở chóp đuôi dài lông màu đen. Chùm lông đuôi kết hợp thành khóm.

B.1.2 Yêu cầu về khối lượng

Khối lượng của bê được quy định trong Bảng B.2.

Bảng B.2 – Khối lượng của bê giống

Chỉ tiêu	Mức yêu cầu	
	Bê đực	Bê cái
Khối lượng sơ sinh, kg, không nhỏ hơn	16	15
Khối lượng 3 tháng tuổi, kg,không nhỏ hơn	43	40
Khối lượng 6 tháng tuổi, kg, không nhỏ hơn	80	78

B.2 Yêu cầu đối với bò hậu bị giống

B.2.1 Yêu cầu về ngoại hình

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Ngoại hình của bò hậu bị được quy định trong Bảng B.3.

Bảng B.3 – Ngoại hình của bò hậu bị giống

Bộ phận	Đặc điểm
A. Đặc điểm chung	
Ngoại hình	Toàn thân lông có màu vàng nhạt, đen tuyền và mà cánh gián sẫm; lông ở phần bụng, yếm và bên trong của bốn chân lông có màu trắng sáng; lông ở vùng quanh mõm và vành mắt có mầu trắng bạc; da vành môi trên và dưới có mầu trắng sáng; yếm mỏng và gọn; rốn không nổi rõ.
B. Các phần cơ thể	
Đầu cổ	Đỉnh trán có u gồ, một số có trán lõm; sừng ngắn mọc nhú lên xù xì; lông mi màu vàng nhạt; xung quanh vành mắt màu lông có màu trắng sáng.
Vai và ngực	Vai hẹp; ngực nở; khoảng cách hai chân trước rộng; xương sườn thưa.
Bụng	Phần dưới bụng lông có màu trắng sáng và loại vàng nhạt; rốn bó sát lên thành bụng: Con đực: dương vật bó sát lên da bụng.
Mông và đuôi	Cơ mông phát triển; đuôi có chùm lông mọc thành khóm ở chóp đuôi có màu đen.
Bốn chân	Bốn chân có màu lông có màu vàng nhạt ở bên ngoài và màu trắng sáng ở bên trong.
Bộ phận sinh dục	Với bò đực: Hai dịch hoàn phát triển cân đối và đều, da có độ đàn hồi tốt, dương vật và bao qui đầu nằm gọn ôm sát vào vùng dưới da bụng, đầu bao qui đầu có một túm lông thưa và ngắn. Với bò cái: Âm hộ có ít nếp nhăn và có màu đen.

B.2.2 Yêu cầu về khối lượng

Khối lượng của bò hậu bị giống được quy định trong Bảng B.4.

Bảng B.4 – Khối lượng của bò hậu bị giống

Chỉ tiêu	Mức yêu cầu	
	Bò đực	Bò cái
Khối lượng 9 tháng tuổi, kg, không nhỏ hơn	124	118
Khối lượng 12 tháng tuổi, kg, không nhỏ hơn	164	152
Khối lượng 18 tháng tuổi, kg, không nhỏ hơn	208	192

B.3 Yêu cầu đối với bò cái giống

B.3.1 Yêu cầu về ngoại hình

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Ngoại hình của bò cái giống được quy định trong Bảng B.5.

Bảng B.5 – Ngoại hình của bò cái giống

A. Đặc điểm chung	
Ngoại hình	Cơ thể chắc khỏe có kết cấu cân đối giữa các bộ phận với nhau
Đặc điểm giống	Lông có màu vàng tơ, mầu cánh gián sẫm và loại màu đen; lông ở vùng hai bên cổ, u vai và dọc sống lưng có màu tro tối khi bò càng nhiều tuổi; màu da và màu lông ở mõm, vành môi và xung quanh vành mắt có mầu sáng; yếm gọn có lông màu sáng rõ và loại tro đen, mắt có màu hoe.
B. Đặc điểm các phần cơ thể	
Đầu cổ	Đầu thanh nhẹ; hai tai nhỏ thẳng; sừng mọc chỉ về phía trước ra hai bên ngắn hoặc nhú lên xù xì; đỉnh trán có u gồ một số ít có trán lõm; mặt trán rộng; mắt to, sáng màu hoe; lông mi hoe; xung quanh vành mắt lông màu trắng sáng.
Vai và ngực	Vai hẹp; ngực nở; xương sườn thưa và dài; lông vùng ngực có màu sáng rõ.
Bụng	Phần dưới bụng lông có màu trắng sáng và loại vàng nhạt, rốn khống dài; rốn ôm sát vào thành bụng.
Mông và đuôi	Mông rộng hơn ngực và phẳng; đuôi dài và thẳng; lông đuôi mọc thành khóm, chùm lông ở cuối đuôi có màu đen.
Bốn chân	Khoảng cách giữa bốn chân rộng; màu lông ở chân bên ngoài có màu vàng nhạt và bên trong có màu sáng trắng.
Hệ thống vú	Bầu vú có cấu trúc chắc chắn, tĩnh mạch vú phát triển.

B.3.2 Yêu cầu về năng suất sinh sản

Năng suất sinh sản của bò cái giống được quy định trong Bảng B.6.

Bảng B.6 – Năng suất sinh sản của bò cái giống

Chỉ tiêu	Mức yêu cầu
Tuổi phối giống lần đầu, tháng, không lớn hơn	26
Khối lượng phối giống lần đầu, kg, không nhỏ hơn	200
Tuổi đẻ lứa đầu, tháng, không lớn hơn	36
Khoảng cách giữa hai lứa đẻ, tháng, không lớn hơn	14
Thời gian động dục lại sau đẻ, tháng, không lớn hơn	4

B.4 Yêu cầu đối với bò đực giống

B.4.1 Yêu cầu về ngoại hình

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Ngoại hình bò đực giống được quy định trong Bảng B.7.

Bảng B.7 – Ngoại hình bò đực giống

A. Đặc điểm chung	
Ngoại hình	Nhìn hung dữ, thân hình phát triển săn chắc và cân đối; lông có màu vàng tơ, cánh gián sẫm và loại mầu đen tuyền; đỉnh trán có u gồ, một số ít có trán lõm, rộng phẳng, lông mi màu vàng nhạt; lông xung quanh vành môi có mầu trắng sáng; u vai nhô cao hướng về phía trước; dương vật nằm gọn trong bao quy đầu; dương vật ôm sát với bụng.
B. Đặc điểm các phần cơ thể	
Đầu cổ	Đầu thô, trông hung dữ, đỉnh trán có u gồ, một số ít có trán lõm, rộng phẳng, mắt hơi hoe, lông mi hoe; Xung quanh hố mắt có màu vàng sáng; mũi thẳng, hai tai nhỏ, sừng mọc chỉ về phía trước ra hai bên, ngắn và mọc nhú lên xù xì.
Vai và ngực	U vai cao; Ngực sâu, rộng; yếm rộng.
Lưng và hông	Lưng rộng, phẳng; U vai cao.
Mông và đuôi	Xương ngồi rộng, đuôi dài chùm lông đuôi kết hợp thành khóm lông đuôi màu đen.
Bộ phận sinh dục ngoài	Hai dịch hoàn phát triển cân đối và đều, da có độ đàn hồi tốt, dương vật và bao qui đầu nằm gọn ôm sát vào vùng dưới da bụng, đầu bao qui đầu có một túm lông thưa và ngắn.
Bốn chân	Bốn chân chắc khỏe, các khớp chắc chắn, khoảng cách bước chân khi bước đi vết chân sau phải trùng vết chân trước; Móng tạo với mặt đất một góc 45^0.

B.4.2 Yêu cầu về năng suất và chất lượng

Năng suất và chất lượng của bò đực giống quy định trong Bảng B.8.

Bảng B.8 – Năng suất và chất lượng của bò đực giống

Chỉ tiêu	Mức yêu cầu
Tuổi phối giống lần đầu, tháng, không lớn hơn	18
Khối lượng phối giống lần đầu, kg, không nhỏ hơn	220
Khối lượng 24 tháng, kg, không nhỏ hơn	280
Khối lượng 36 tháng, kg, không nhỏ hơn	320
Khối lượng 48 tháng, kg, không nhỏ hơn	350

B.5 Yêu cầu đối với bò giống trưởng thành

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

B.5.1 Yêu cầu về ngoại hình

Ngoại hình của bò trưởng thành được quy định trong Bảng B.9.

Bảng B.9 – Ngoại hình của bò giống trưởng thành

Bộ phận	Đặc điểm
A. Đặc điểm chung	
Ngoại hình	Lông có màu vàng nhạt, cánh gián sẫm và loại mầu đen tuyền; đỉnh trán có u gồ, một số ít có trán lõm, rộng phẳng, lông mi có màu vàng nhạt; Xung quanh hố mắt có màu vàng sáng; mũi thẳng, hai tai nhỏ, sừng mọc chỉ về phía trước ra hai bên, ngắn và mọc nhú lên xù xì.
B. Các phần cơ thể	
Đầu và cổ	Đỉnh trán có u gồ, một số ít có trán lõm, rộng phẳng, lông mi có màu vàng nhạt; Xung quanh hố mắt có màu vàng sáng; mũi thẳng, hai tai nhỏ, sừng mọc chỉ về phía trước ra hai bên, ngắn và mọc nhú lên xù xì.
Vai và ngực	Con đực: Ngực nở; u vai nổi rõ, yếm thẳng và mỏng kéo dài từ cằm tới ức. Con cái: U vai không nổi rõ, yếm mỏng co sát từ cằm tới ức;.
Bụng	Thon, gọn và tròn, không sệ; bò đực da ở vị trí bao quy đầu có chòm lông dài.
Mông và đuôi	Mông rộng phẳng, to tròn xương ngồi rộng, đuôi dài chùm lông đuôi kết hợp thành khóm lông đuôi màu đen.
Bộ phận sinh dục	Con đực: Hai dịch hoàn phát triển cân đối và đều, da có độ đàn hồi tốt, dương vật và bao qui đầu nằm gọn ôm sát vào vùng dưới da bụng, đầu bao qui đầu có một túm lông thưa và ngắn. Con cái: Âm hộ có ít nếp nhăn và có màu đen

B.5.2 Yêu cầu về khối lượng

Khối lượng của bò trưởng thành được quy định trong Bảng B.10.

Bảng B.10 – Khối lượng của bò giống trưởng thành

Chỉ tiêu	Mức yêu cầu	
	Bò đực	Bò cái
Khối lượng trưởng thành, kg, không nhỏ hơn	380	300

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

Thư mục tài liệu tham khảo

[1] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Chăn nuôi – Vụ khoa học công nghệ.- *Atlát các giống vật nuôi ở Việt Nam, 2004, trang 7.*

[2] Nguyễn Kim Đường (2008) - *"Một số vấn đề hiện trạng chăn nuôi bò ở Nghệ An", Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi. Số 13, trang 6-7.*

[3] Trần Trung Thông, Phạm Văn Giới, Trịnh Văn Trung, Nguyễn Công Định, Nguyễn Văn Đức, Trần Thị Thu Thuỷ, Nguyễn Văn Ba và Phạm Doãn Lân - *Đặc điểm ngoại hình của giống bò vàng Việt Nam.*

[4] L. T. T. Huyen, U. Lemke, A. Valle Zárate - *Ruminant breeds and production systems in North Vietnam and their contribution to smallholder households in mountainous areas.*

[5] D.T. Dong Xuan, I. Szalay, V.V. Su, H.V. Tieu & N. Dang Vang - *Animal genetic resources and traditional farming in Vietnam.*

[6] Số liệu điều tra thực tế, 2016.

[7] Sở Khoa học công nghệ Nghệ An, 2012 - *Báo cáo đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất đàn hạt nhân bò U đầu rìu*

[8] Thông tư số 25/2015/TT - *BNNPTNT Ban hành danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.*

[9] *Pháp lệnh giống vật nuôi.*

[10] Mai Anh Khoa, Trần Văn Thăng, Nguyễn Thu Phương, Trần Huê Viên, Nguyễn Hưng Quang và Nguyễn Hữu Cường - *Bước đầu đánh giá thực trạng đàn bò H'Mông nuôi trong nông hộ tại Bắc Kạn. Tạp chí Khoa học & Công nghệ- Đại học Thái Nguyên, 119(05), trang 3-8, năm 2014.*

[11] Nguyễn Thị Thoa, Đào Đức Thà, Trần Sơn Hà, Quản Xuân Hữu, Lê Bá Quế, Nguyễn Xuân Dương và Nguyễn Công Hưởng - *Đánh giá thực trạng đàn bò của đồng bào Mông tỉnh Bắc Kạn, một số giải pháp khôi phục và phát triển – Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp nhà nước – Viện Chăn nuôi năm 2011.*

[12] Trần Huê Viên, Nguyễn Hưng Quang, Nguyễn Duy Hiền, Nguyễn Hữu Cường - *Ảnh hưởng công tác chọn lọc giống đến sinh trưởng của đàn bò H'Mông tại huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang. Tạp chí Khoa học & Công nghệ- Đại học Thái Nguyên, 115(01), trang 123-130, năm 2014.*

Evaluation Only. Created with Aspose.Pdf. Copyright 2002-2011 Aspose Pty Ltd.

[13] Trần Văn Thăng, Mai Anh Khoa, Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Hưng Quang, Trần Huê Viên, Nguyễn Hữu Trà, Nguyễn Hữu Cường - *Đánh giá thực trạng đàn bò H'Mông nuôi trong nông hộ tại huyện Bảo Lâm tỉnh Cao Bằng. Tạp chí Khoa học & Công nghệ- Đại học Thái Nguyên 123 (09), trang 113-118 , năm 2014.*

[14] Nguyễn Đàm Thuyên (2012) - *Nghiên cứu một số đặc điểm sinh trưởng và khả năng sản xuất thịt của bò H'mông nuôi tại huyện Mèo Vạc tỉnh Hà Giang, Luận văn thạc sỹ nông nghiệp- Đại học Nông lâm Thái Nguyên.*